Family and Friends 2

Ôn tập: Unit starter – 1 – 2 – 3

Bài 1. Ghi tên các màu:



orange			

Bài 2: Điền từ còn thiếu



A: How old are you?

B: I'm eight.



A: How _____ you?

B: I'm _____.



A: How _____?

B: _____.

Bài 3: Khoanh tròn chữ cái đầu

1. 	2. 
a b c	a b c
3. 	4. 
d e f	d e f
5. 	6. 

LIVEWORKSHEETS

g h i	g h i
7. 	8. 
j k l	j k l
9. 	10. 
m n o	m n o
11. 	12. 
p q r	p q r
13. 	14. 
s t u v	s t u v

Bài 4: Đánh dấu (✓) đúng và (X) sai

LIVEWORKSHEETS

1 

What day is it today?
It's Tuesday. ☐

2 

What day is it today?
It's Sunday. ☐

3 

What day is it today?
It's Friday. ☐

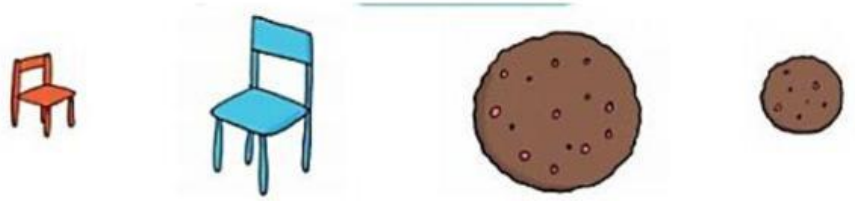
4 

What day is it today?
It's Saturday. ☐

5 

What day is it today?
It's Wednesday. ☐

Bài 5: Điền "little" và "big"



1. It's a …… chair.	2. It's a …… chair.	3. It's a …… cookie	4. It's a …… cookie

Bài 6: Nối



LIVEWORKSHEETS

Bài 7: Điền từ còn thiếu

Yes	dad	brother	~~sister~~	No	Yes



Is this your sister?

, it is.



Is this your ?

, it is.



Is this your ?

, it isn't. This is my grandpa.

Bài 8: Nhìn và ghi từ



1. happy	2.	3.	4.	5.	6.

LIVEWORKSHEETS

Bài 9: Điền “He’s” or “She’s”

He’s She’s

1  She’s cold.

2  He’s hot.

3  _____ hungry.

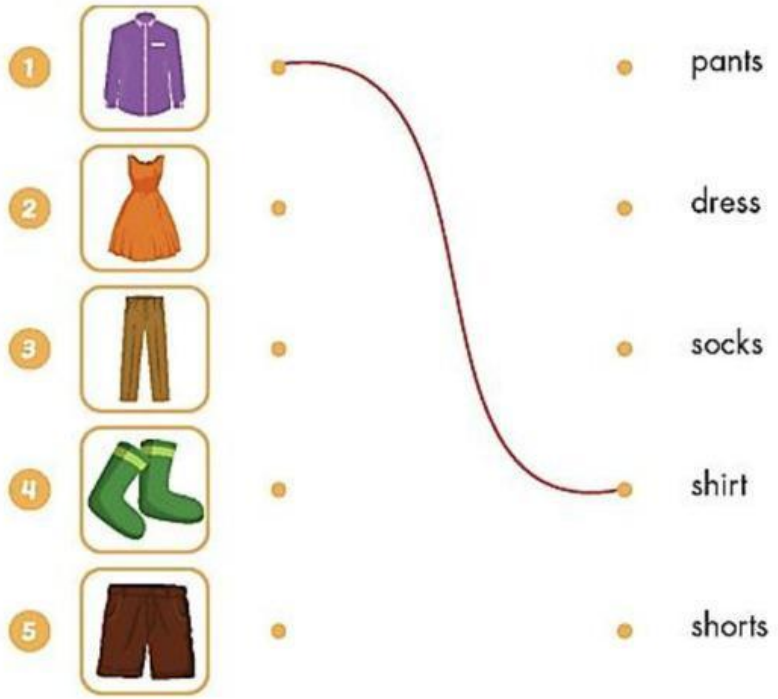
4  _____ thirsty.

5  _____ sad.

6  _____ happy.

Bài 10: Nối

LIVEWORKSHEETS



Bài 11: Nhìn và điền từ

his her

1 

Are these her socks?

2 

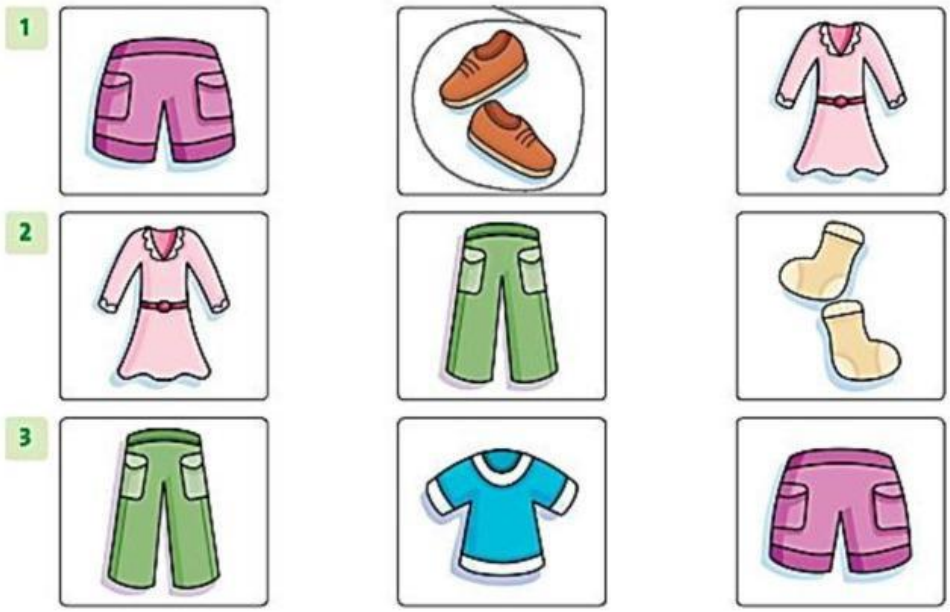
Are these _____ shoes?

3 

Are these _____ pants?

Bài 12: Nghe và khoanh hình đúng

LIVEWORKSHEETS



Bài 13: Đếm số và ghi

1. 

- _6_ six

2.  __ _____

3.  __ _____

4.  __ _____

5.  __ _____

LIVEWORKSHEETS